

TOÁN
CHỦ ĐỀ 16: ÔN TẬP CUỐI NĂM
Bài 79: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T1) – Trang 121
Tiết 1: ÔN VỀ HÌNH HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố về hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, góc vuông, chu vi hình tam giác, hình tứ giác, chu vi và diện tích hình vuông, hình chữ nhật).
- Vận dụng vào giải các bài tập, giải bài toán thực tế liên quan đến các nội dung trên.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải bài toán thực tế, tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.
- Năng lực tính toán; năng lực tư duy và lập luận toán học; khả năng sáng tạo.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV:- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

HS: - Bộ đồ dùng học toán.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.	- HS

“Ai nhanh hơn ai?”

Bài cũ:

GV nêu đề bài trên màn hình.

- 1 HS đọc đề bài.

+ Câu 1: 4 hộp chứa 1 lít sữa. Tính dung tích 1 hộp sữa như thế là:

A. 300ml B. 250 ml C. 200ml D. 180ml

+ Câu 2: Một hình vuông có cạnh là 25 mm. Vậy chu vi của hình đó là:

A. 100cm B. 10 dm C. 1 dm D. 10 mm

- GV hỏi cách thực hiện.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- Bài học ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC hôm nay sẽ giúp các em củng cố về hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, góc vuông, chu vi hình tam giác, hình tứ giác, chu vi và diện tích hình vuông, hình chữ nhật).

- GV ghi tựa bài lên bảng.

tham gia
trò chơi:

“Ai
nhanh
hơn ai?”

- HS
lắng
nghe.

- HS ghi
nhanh
đáp án
ra bảng
con.

+ Trả lời
câu 1 :

* Dung
tích 1
hộp sữa
như thế
có

B. 250
ml

- HS nêu
cách
tính: ->

*Tìm mối
quan hệ
giữa lít
và mi-li-
lít.*

-> *Tìm
dung
tích 1
hộp sữa.*

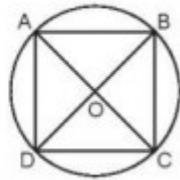
+ Trả lời
câu 2:

Một
hình
vuông
có cạnh

	là 25 mm. Vậy chu vi của hình đó là: C. 1dm - HS nêu cách tính: <i>Tìm chu vi hình chữ nhật -> Tìm mối quan hệ giữa mi-li-mét và các đơn vị: xăng-ti-mét, đề-xi-mét, mét - đổi đơn vị -> Tìm đáp án phù hợp.</i> - HS lắng nghe.
2. Luyện tập: - Mục tiêu: + Củng cố về hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm <u>của đoạn thẳng, góc vuông, chu vi hình tam giác</u>, hình tứ giác, chu vi và diện tích <u>hình vuông, hình chữ nhật</u>). - Cách tiến hành:	
Bài 1. HS làm việc nhóm 2 - GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài.	- 1 HS nêu đề bài.

1 Cho hình vuông ABCD, hình tròn tâm O (như hình vẽ).

- Nêu tên ba điểm thẳng hàng.
- O là trung điểm của những đoạn thẳng nào?
- Dùng ê ke kiểm tra rồi nêu tên các góc vuông đỉnh O.



- GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ (SGK), dùng ê ke kiểm tra góc vuông.
- HS nêu nhận xét cho bạn kế bên nghe.
- Sửa bài:
 - Gọi vài HS lần lượt lên bảng, chỉ vào hình và trả lời câu hỏi
 - Ba điểm thẳng hàng là: A,O,C ; B,O,D
 - Điểm O là trung điểm của đoạn thẳng AC, BD
 - Có 8 góc là góc vuông (dùng ê ke kiểm tra, nhận biết tên đỉnh, cạnh của góc vuông)

- * Góc vuông đỉnh A, (cạnh AB,AD)
- * Góc vuông đỉnh B, (cạnh BA,BC)
- * Góc vuông đỉnh C, (cạnh CB,CD)
- * Góc vuông đỉnh D, (cạnh DA,DC)
- * Góc vuông đỉnh O, (cạnh OA,OB)
- * Góc vuông đỉnh O, (cạnh OB,OC)
- * Góc vuông đỉnh O, (cạnh OC,OD)
- * Góc vuông đỉnh O, (cạnh OD,OA)

GV kết luận chung:

- GV hỏi thêm trung điểm và điểm ở giữa khác nhau thế nào.
- => **Chốt KT:** Trung điểm của đoạn thẳng là điểm ở giữa và chia đoạn thẳng đó thành hai phần bằng nhau.
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

- HS làm việc nhóm 2 – trả lời câu hỏi của đề bài.

- HS lắng nghe.
- Vài HS lên bảng trình bày.

- Lớp theo dõi, nhận xét.

- HS nêu nhận xét về trung điểm của đoạn thẳng.

- HS nêu ghi nhớ về phép chia có dư.

Bài 2: Ôn tập chu vi hình tam giác, hình tứ giác

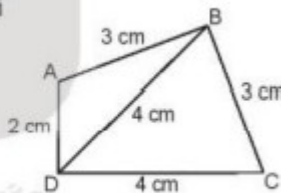
- GV chia nhóm 2, các nhóm tạo đối để tìm cách giải, HS làm việc cá nhân vào vở.

2 a) Tính chu vi hình tam giác ABD và chu vi hình tam giác BCD.

b) Tính chu vi hình tứ giác ABCD.

c) Số ?

Tổng chu vi của các hình tam giác ABD và BCD hơn chu vi hình tứ giác ABCD là ? cm.



- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- HS làm vào vở.

- HS thảo luận để tìm cách giải.

- HS tự làm cá nhân vào vở.

- GV Nhận xét kết quả các nhóm.

=> **Chốt KT:** Chu vi hình tam giác, hình tứ giác là tổng số đo chiều dài các cạnh của hình đó.

- GV Nhận xét chung và tuyên dương.

+ Câu a:

Chu vi hình tam giác

ABD là:

3 +

4 +

2 =

9

(c

m)

Chu vi hình tứ giác

BCD là:

3 +

4 +

4 =

11

(c

m)

+ Câu b:

Chu vi hình tứ giác

ABCD

là:

3 +

3 +

4 +

2 =

10

(c

m)

+ Câu c:

* Tổng

chu vi

của các

hình tam

giác

ABD và hình
BCD là
 $9+11=20$ cm
* So
sánh
tổng chu
vi của
các hình
tam giác
ABD và
hình
BCD và
chu vi
của hình
tứ giác
ABCD
ta thấy:
 $\Rightarrow$ Tổng
chu vi
của các
hình tam
giác
ABD và
hình
BCD
lớn hơn
chu vi
của hình
tứ giác
ABCD
vì có
thêm độ
dài của 2
lần cạnh
BD.
- HS
lắng
nghe

Bài 3: (Làm việc cá nhân – Làm vào vở)

* Giải bài toán có nội dung liên quan đến hình học.

- Gọi 1 HS đọc đề bài.

3 Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 8 m, chiều dài hơn chiều rộng 6 m.
Tính chu vi mảnh đất đó.

SỬA:

- 1HS trình bày kết quả.
- HS đối vở cùng kiểm tra cách trình bày, kết quả, nhận xét lẫn nhau.
- Cho HS chất vấn hỏi cách tính giá trị biểu thức.
- GV nhận xét.

=> **Chốt KT:** Nhắc lại: Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy số đo chiều dài, cộng với số đo chiều rộng (cùng đơn vị đo), rồi nhân với 2.

- GV nhận xét chung – tuyên dương.

- 1 HS
nêu yêu
cầu đề
bài.

- HS tìm
hiểu đề
bài: Đề
bài cho
biết gì?
Hỏi gì?

Nêu
dạng
toán và
thực
hiện vào
vở.

(Cho 1
HS làm
trên
bảng
nhóm,
song với
lớp để
kịp thời
gian)

- HS
nhận xét
kết quả
của bạn.

Bài giải

Chiều
dài hình
chữ nhật
là:

8 +
6 =
14
(m
)

Chu vi
mảnh
đất hình
chữ nhật
là

$$(14 + 8) \\ \times 2 = 44 \\ \text{(m)}$$

Đá

p

số:

44

m.

- HS nêu
câu hỏi
chất

vấn: Vì

sao bạn
tìm

được kết
quả?/

hoặc:

Bạn tìm
kết quả

bằng

cách

nào?

Bạn có
thể nhắc

lại cách
tìm chu

vi hình
chữ nhật

không?

- HS

lắng

nghe,

sửa sai

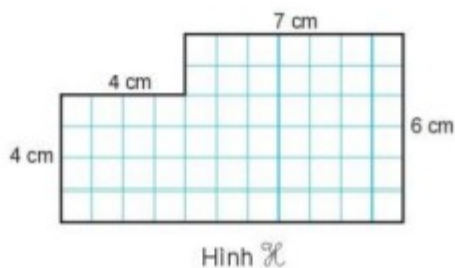
nếu có.

Bài 4. (Làm việc cá nhân – Làm vào vở)

* **Củng cố cách giải bài toán thực tế liên quan tới diện tích hình vuông, hình chữ nhật.**

- Gọi 1 HS đọc đề bài.

4 Tính diện tích hình $\mathcal{H}$ có kích thước như hình vẽ dưới đây.



Sửa bài:

- HS(A) đính bài giải lên bảng.
- Gọi HS 1 HS(B) đọc làm, Lớp đối chiếu và nêu nhận xét.

Bài giải (1).

Chia mảnh đất thành 1 hình chữ nhật và một hình vuông.

là:

$$7 \times 6 = 42 \text{ cm}^2$$

Diện tích hình vuông là:

$$4 \times 4 = 16 \text{ cm}^2$$

Diện tích hình H là:

$$42 + 16 = 58 \text{ cm}^2$$

Đáp số: 58 cm^2

Bài giải (2).

Chia mảnh đất thành 1 hình chữ nhật lớn và một hình chữ nhật nhỏ.

Chiều dài hình chữ nhật lớn là:

$$7 + 4 = 11 \text{ cm}$$

Diện tích hình chữ nhật lớn là:

$$11 \times 4 = 44 \text{ cm}^2$$

Chiều rộng hình chữ nhật nhỏ là:

$$6 - 4 = 2 \text{ cm}$$

Diện tích hình chữ nhật nhỏ là:

$$7 \times 2 = 14 \text{ cm}^2$$

Diện tích hình H là:

$$44 + 14 = 58 \text{ cm}^2$$

Đáp số: 58 cm^2

- GV nhận xét chốt kết quả đúng, chọn cách giải thuận tiện nhất.
- GV cho HS nhắc lại 5 bước giải toán.

=> **Chốt KT:** Nhắc lại:

* Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy số đo một cạnh nhân với chính nó.

- 1 HS nêu yêu cầu đề bài.

- HS tìm hiểu đề bài: Đề bài cho biết gì? Hỏi gì?

- HS thảo luận

nhóm 2 để tìm ra cách giải.

Nêu cách thực hiện.

- HS thực hiện cá nhân

(Cho 1 HS(A) làm trên bảng

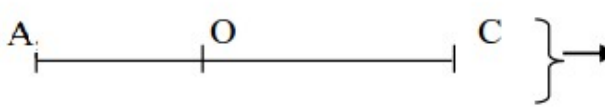
nhóm, song với lớp để kịp thời gian)

- HS đọc bài làm.

- HS nhận

xét, nêu lời giải

* Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy số đo chiều dài nhân với số đo chiều rộng (cùng đơn vị đo). - GV nhận xét chung – tuyên dương.	tương tự. - HS đặt câu hỏi chất vấn: + Muốn tìm diện tích hình chữ nhật bạn làm sao? + Muốn tìm diện tích hình vuông bạn làm sao? - HS lắng nghe, sửa lại bài làm sai (nếu có)
3. Vận dụng. - Mục tiêu: + <u>Vận dụng vào giải các</u> bài tập, giải bài toán thực tế liên <u>quan đến các nội dung trên.</u> + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, tiếp sức	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã

	học vào thực tiễn.
Bài 5. (Làm việc nhóm 4) - Gọi 1 HS đọc đề bài. - Cho HS suy nghĩ 1 phút rồi bắt đầu chơi a) Một hình vuông có cạnh 7cm. Tính diện tích hình vuông đó là: A. 64cm. B. 64 C. 49 cm² D. 32 cm² b). Chọn Đúng hay Sai vào chỗ chấm O là trung điểm đoạn thẳng AC:.....  O, A, B là 3 điểm thẳng hàng O là điểm ở giữa A và B - GV Nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS nêu yêu cầu đề bài. HS giờ thử chọn đáp án đúng - HS đặt câu hỏi chất vấn luân phiên mỗi tổ 1 câu hỏi: + Vì sao bạn chọn
4. Điều chỉnh sau bài dạy: 	

TOÁN

Bài 79: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T2) – Trang 122

Tiết 2: **ÔN VỀ ĐO LƯỜNG**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố về đo lường (đơn vị đo độ dài (mm), đo khối lượng (g), đo dung tích (ml), tháng, năm, đọc giờ đồng hồ đến từng phút; thực hiện phép tính với số đo độ dài, khối lượng, dung tích, thời gian, tiền Việt Nam,...
- Vận dụng vào giải các bài tập, giải bài toán thực tế liên quan đến các nội dung trên.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải bài toán thực tế, tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

- Năng lực tính toán; năng lực tư duy và lập luận toán học; khả năng sáng tạo.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Bài cũ: + Câu 1: Bây giờ là tháng mấy? + Câu 2: Tháng này có bao nhiêu ngày? Những tháng trong năm có 30 ngày là: A. Tháng 2, tháng 4, tháng 7, tháng 9 B. Tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 11 C. Tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11 D. Tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 12 - GV Nhận xét, tuyên dương. - Các em đã học các đơn vị đo đại lượng nào các em còn nhớ không? Bài học ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG hôm nay sẽ giúp các em củng cố về các đơn vị đo đại lượng đã học. - GV ghi tựa bài lên bảng.	- HS tham gia trò chơi . - HS lắng nghe câu hỏi. - HS ghi nhanh đáp án ra bảng con. - HS giơ tay phát biểu. - HS lắng nghe, đối chiếu với kết quả của mình và nêu nhận xét - HS lắng nghe
2. Luyện tập: - Mục tiêu: + <u>Củng cố về đo lường</u> (đơn vị đo độ dài (mm), đo khối lượng (g), đo dung tích (ml), tháng, năm, đo giờ đồng hồ đến từng phút; thực hiện phép tính với số đo độ dài, khối lượng, dung tích, thời gian, tiền Việt Nam,... + <u>Vận dụng vào giải các bài tập</u> , giải bài toán thực tế liên quan đến các nội dung	

trên.

- Cách tiến hành:

Bài 1.

- GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài.

1 Số ?

a) $1 \text{ cm} = ? \text{ mm}$

$2 \text{ cm} = ? \text{ mm}$

$1 \text{ dm} = ? \text{ cm} = ? \text{ mm}$

$3 \text{ dm} = ? \text{ cm} = ? \text{ mm}$

$1 \text{ m} = ? \text{ dm} = ? \text{ cm} = ? \text{ mm}$

$4 \text{ m} = ? \text{ dm} = ? \text{ cm} = ? \text{ mm}$

b) $1 \text{ kg} = ? \text{ g}$

c) $1 \text{ l} = ? \text{ ml}$

$1000 \text{ g} = ? \text{ kg}$

$1000 \text{ ml} = ? \text{ l}$

$2 \text{ kg} = ? \text{ g}$

$3 \text{ l} = ? \text{ ml}$

GV cho HS suy nghĩ, ghi kết quả vào sách.

Sửa bài:

Cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”

- GV hỏi thêm:

* Em hãy kể tên các đơn vị đo độ dài đã học.

* Em hãy kể tên các đơn vị đo khối lượng đã học.

* Em hãy kể tên các đơn vị đo dung tích đã học.

=> **Chốt KT:** Cách nhân, chia các số trong phạm vi 100 000, ghi nhớ về số dư.

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 2: (Làm việc nhóm 2 – làm vào sách hoặc phiếu học tập)

- GV gọi HS đọc đề bài

2 Tính.

a) $200 \text{ mm} + 100 \text{ mm}$

$200 \text{ mm} \times 3$

$300 \text{ mm} - 100 \text{ mm}$

$600 \text{ mm} : 3$

b) $300 \text{ g} + 200 \text{ g}$

$200 \text{ g} \times 5$

$500 \text{ g} - 300 \text{ g}$

$1000 \text{ g} : 5$

c) $400 \text{ ml} + 300 \text{ ml}$

$800 \text{ ml} : 4$

$700 \text{ ml} - 300 \text{ ml}$

$200 \text{ ml} \times 4$

Sửa bài:

- HS chơi trò chơi bắn tên để sửa bài

(GV làm đáp án trên màn hình)

- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- GV cho HS quan sát kết quả bài 2a, nêu nhận xét

- GV Nhận xét kết quả các nhóm.

=> **Chốt KT:**

a) Khi ta lấy tổng trừ đi số hạng này, ta được thừa số kia.

- 1 HS nêu yêu cầu đề bài.

- HS suy nghĩ, điền kết quả vào ô.

- HS sửa bài bằng trò chơi.

- Lớp lắng nghe. Nhận xét

- HS nêu ghi nhớ

- HS nêu yêu cầu

- HS làm vào phiếu học tập (Giúp tiết kiệm thời gian chép đề bài)

- HS nhận xét kết quả của các bạn

- HS lắng nghe

Lấy tích chia cho thừa số này, ta được thừa số kia.

b) Cần ghi tên đơn vị sau kết quả tính.

- GV nhận xét chung nhắc lại cách nhân, chia nhẩm các số tròn nghìn, tròn chục nghìn và tuyên dương.

Bài 3: (Làm việc cá nhân – Làm vào vở)

* **Củng cố và rèn kỹ năng xem đồng hồ chính xác đến từng phút**

- Gọi 1 HS đọc đề bài.

3 a) Số ?

Đồng hồ chỉ mấy giờ?



2 giờ 5 phút ? giờ ? phút ? giờ ? phút

b) Nêu tên các tháng có 31 ngày và các tháng có 30 ngày trong năm.

c) Chọn câu trả lời đúng.

Nếu ngày 28 tháng 5 là Chủ nhật thì ngày 1 tháng 6 cùng năm đó là:

A. Thứ Ba B. Thứ Tư C. Thứ Năm D. Thứ Sáu

SỬA:

- Cho HS chơi trò chơi “Mình tên gì?”,
- HS đối vở cùng kiểm tra kết quả, nhận xét lẫn nhau.
- Cho HS chất vấn hỏi đọc giờ đồng hồ.
- HS kể tên các tháng trong năm.
- HS kể tên các ngày của tháng.
- GV nhận xét chung

=> **Chốt KT:** Nhắc lại công dụng của kim ngắn và kim dài, cách đọc giờ kém, các ngày của các tháng trong năm.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 4. (Làm việc cá nhân – Làm vào vở)

* **Củng cố cách giải bài toán thực tế liên quan tới đơn vị tiền Việt Nam.**

- Gọi 1 HS đọc đề bài.

4 Mai vào cửa hàng mua 5 quyển vở, mỗi quyển giá 7 000 đồng và mua một hộp bút chì màu giá 60 000 đồng. Hỏi Mai đã mua hết tất cả là bao nhiêu tiền?

Sửa bài:

- HS(A) đính bài giải lên bảng.
- Gọi HS 1 HS(B) đọc làm, Lớp đối chiếu và nêu nhận xét.

Bài giải

- 1 HS nêu yêu cầu đề bài.

- HS làm vào sách.

(Cho 2 HS làm trên bảng nhóm, song với lớp để kịp thời gian dùng hoa, che kết quả lại.)

- Sửa

- HS nêu tên đồng hồ

- Lớp nhận xét đối chiếu kết quả.

- HS nhận xét kết quả của các nhóm.

- HS nêu câu hỏi chất vấn: Vì sao bạn tìm được kết quả?/ hoặc: Bạn tìm kết quả bằng cách nào?

- HS lắng nghe, sửa sai nếu có.

- 1 HS nêu yêu cầu đề bài.

- HS tìm hiểu đề bài: Đề bài cho biết gì? Hỏi gì? Nêu dạng toán và thực hiện vào vở.

(Cho 1 HS(A) làm trên bảng nhóm, song với lớp để kịp thời gian)

Số tiền mua 5 quyển vở là: $7\ 000 \times 5 = 35\ 000$ (đồng) Số tiền Mai đã mua hết tất cả là: $35\ 000 + 60\ 000 = 95\ 000$ (đồng) <i>Đáp số: 95 000 đồng.</i> - GV nhận xét chốt kết quả đúng - GV cho HS nhắc lại 5 bước giải toán. => Chốt KT: Cách giải toán và trình bày bài giải liên quan đến thực tế. + tuyên dương.	- HS đọc bài làm. - HS nhận xét, nêu lời giải tương tự. - HS đặt câu hỏi chất vấn: + Muốn tìm số tiền mua 5 quyển vở, bạn làm sao? + Muốn tìm số tiền đã mua tất cả, bạn làm sao? + Để biết kết quả đúng hay sai, bạn kiểm tra lại bằng cách nào? + Vì sao đề bài hỏi bao nhiêu tiền nhưng đáp số bạn ghi đơn vị là đồng?.. - HS lắng nghe, sửa lại bài làm sai (nếu có)
3. Vận dụng. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, tiếp sức	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
Bài 5. (Làm việc nhóm 4) Củng cố và rèn kĩ năng thực hiện phép nhân trong phạm vi 100 000. - Gọi 1 HS đọc đề bài. - Cho HS suy nghĩ 1 phút rồi bắt đầu chơi a) Một hình vuông có cạnh 7cm. Tính diện tích hình vuông đó là: A. 64cm. B. 64	- 1 HS nêu yêu cầu đề bài. - HS giơ thẻ, chọn kết quả đúng. + Trả lời: : * Mẹ mua 2 cái bánh như thế cần phải trả số tiền:

C. 49 cm² D. 32 cm² b) 1m = mm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: A. 10 B. 100 C. 1000 D. 10 000 c) Mẹ đi chợ mua 9 cái bánh hết 45000 đồng. Vậy mẹ mua 2 cái bánh như thế cần phải trả số tiền: A. 30 000 đồng B. 20 000 đồng C. 10 000 đồng D. 5000 đồng d) 4 hộp chứa 1 lít sữa. Tính dung tích 1 hộp sữa như thế : A. 300ml B. 250 ml C. 200ml D. 180ml - Buổi học hôm nay đã giúp các em ôn tập về các đơn vị đo đại lượng: đo độ dài, khối lượng, dung lượng. - Về xem trước bài Ôn tập Bảng số liệu- Khả năng xảy ra của một sự kiện. - GV Nhận xét, tuyên dương.	C. 10 000 đồng - Tìm giá tiền 1 cái bánh - Tìm số tiền phải trả để có 2 cái bánh + Trả lời: : * Dung tích 1 hộp sữa như thế là B. 250 ml - Tìm mối quan hệ giữa lít và mi-li-lít. - Tìm dung tích 1 hộp sữa. - HS lắng nghe.
4. Điều chỉnh sau bài dạy: 	

TOÁN
CHỦ ĐỀ 16: ÔN TẬP CUỐI NĂM

Bài 80:

ÔN TẬP BẢNG SỐ LIỆU, KHẢ NĂNG XẢY RA CỦA MỘT SỰ KIỆN
(Trang 123)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng.
- Nêu được một số nét đơn giản ở bảng số liệu.
- Nhận biết và mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện.

- Qua việc mô tả các hiện tượng quan sát được diễn giải câu trả lời được đưa ra.
HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học

- Cùng với hoạt động trên, qua hoạt động diễn đạt và trả lời câu hỏi (bằng cách nói hoặc viết) mà giáo viên đặt ra sẽ giúp HS phát triển năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức múa hát vận động tập thể tại chỗ để khởi động bài học. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia - HS lắng nghe.
2. Luyện tập * Mục tiêu: - Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng. - Nêu được một số nét đơn giản ở bảng số liệu. - Nhận biết và mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện. - Qua việc mô tả các hiện tượng quan sát được diễn giải câu trả lời được đưa ra. HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học - Cùng với hoạt động trên, qua hoạt động diễn đạt và trả lời câu hỏi (bằng cách nói hoặc viết) mà giáo viên đặt ra sẽ giúp HS phát triển năng lực giao tiếp toán học. * Cách tiến hành:	
Bài 1. (Làm việc nhóm) - GV cho HS quan sát bảng số liệu về số HS đã đến thư viện vào mỗi buổi sáng và chiều trong một tuần học. -Yêu cầu HS thảo luận nhóm - GV gợi mở các câu hỏi cho HS dựa vào bảng số liệu để trả lời - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả	- HS quan sát bảng số liệu

- GV và HS nhận xét chốt đáp án đúng

Bài 2. (Làm việc cá nhân)

- Yêu cầu HS đọc thông tin bài 2

- Cho HS quan sát bảng số liệu về số tiền tiết kiệm được của các bạn Nam, Việt và Mai.

- GV đặt câu hỏi trước lớp để KT kết quả làm bài của HS

- GV nhận xét tuyên dương.

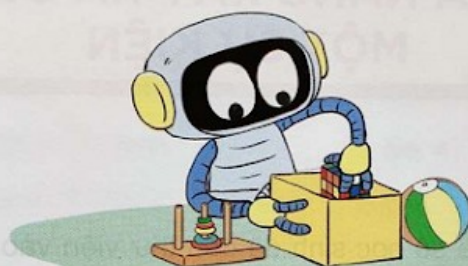
Bài 3. (Làm việc cặp đôi)

- GV cho HS quan sát tranh vẽ nêu yêu cầu của bài tập

- GV lưu ý HS: Đây là bài tập yêu cầu mô tả các sự kiện có thể xảy ra trong một tình huống cho trước.

- GV cho HS mô tả Rô-bốt gói quà và dự đoán khả năng xảy ra khi 3 bạn lần lượt chọn 1 hộp quà bất kỳ

3 Rô-bốt gói ba món quà (tháp vòng, quả bóng, khối ru-bích) vào ba chiếc hộp giống hệt nhau:



Mỗi bạn Mai, Việt và Nam lần lượt chọn một hộp quà bất kì. Vậy Mai có thể chọn được chiếc hộp đựng món quà nào?



- Gọi các cặp đôi HS chia sẻ trước lớp

- GV nhận xét bổ sung

Bài 4. (Làm việc nhóm)

- Cho HS quan sát, đọc nội dung trong sách HS.

- GV gọi mở cho HS thảo luận đưa ra dự đoán về các sự kiện có thể xảy ra khi nhà ảo thuật cú mèo lấy 2 con thỏ ra khỏi chiếc mũ đó.

đọc
thông
tin
bài 1.

-
Thảo
luận
và
thống
nhất
câu
trả
lời
trong
nhóm

- Đại
diện
nhóm
trả
lời
các
câu
hỏi

- HS
đọc
yêu
cầu
của
bài

- HS
làm
bài
và
chia
sẻ
trước
lớp

- HS
nhận

- GV nhận xét bổ sung

xét
lần
nhau.
-HS
quan
sát
 tranh
đọc
thông
tin và
nêu
yêu
cầu.
-
Thực
hiện
theo
HD
của
GV
-Chia
sẻ
nội
dung
dự
đoán
trước
lớp
- HS
thảo
luận
trong
nhóm
và
đưa
ra
các
phán
đoán
- HS

	dự đoán: Có 2 sự kiện có thể xảy ra là nhà ảo thuật lấy được 2 con thỏ trắng hoặc 1 con thỏ nâu và 1 con thỏ trắng.
3. Vận dụng. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “ Lá cờ may mắn ” + Chuẩn bị 1 hộp kín 3 mặt, mặt trên cùng để hở chỉ lộ 1 bàn tay. Bên trong hộp để sẵn 2 cờ đỏ và 2 cờ xanh + Cách chơi: người chơi lấy cùng một lúc 2 lá cờ. Đại diện các nhóm dự đoán các trường hợp xảy ra. + Kết thúc: Nhóm nào dự đoán tốt sẽ được nhận cờ tuyên dương - Nhận xét, tuyên dương	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã

	học vào thực tiễn. - Các HS khác cố vũ trò chơi(chú ý khôn g được gợi ý cho ngườ i chơi biết)
4. Điều chỉnh sau bài dạy:	

Bài 81: ÔN TẬP CHUNG
Tiết 1: LUYỆN TẬP – Trang 125

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Ôn tập, củng cố kiến thức, kĩ năng về số học (đọc, viết thứ tự, so sánh các số có bốn, năm chữ số).
- Ôn tập về phép tính (cộng, trừ, nhân, chia số có bốn, năm chữ số với (cho) số có một chữ số, vận dụng tính giá trị của biểu thức, giải bài toán có lời văn hai bước tính ...)

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải bài toán thực tế, tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp toán học và hợp tác: hoạt động nhóm.
- Năng lực tính toán; năng lực tư duy và lập luận toán học; khả năng sáng tạo.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																																								
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:																																									
Bài 1. Làm việc cá nhân – Trò chơi Tôi là ai?” HS nhận biết được cấu tạo các số (Các hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị) rồi nêu (viết) các số và cách đọc các số thích hợp. - GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài. 1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu). <table><tr><th colspan="5">Hàng</th><th rowspan="2">Viết số</th><th rowspan="2">Đọc số</th></tr><tr><th>Chục nghìn</th><th>Nghìn</th><th>Trăm</th><th>Chục</th><th>Đơn vị</th></tr><tr><td></td><td>6</td><td>3</td><td>0</td><td>5</td><td>6 305</td><td>sáu nghìn ba trăm linh năm</td></tr><tr><td>2</td><td>7</td><td>6</td><td>4</td><td>1</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>3</td><td>0</td><td>8</td><td>7</td><td>4</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>5</td><td>5</td><td>5</td><td>5</td><td>5</td><td>?</td><td>?</td></tr></table> - Sửa bài: - HS chơi trò chơi “ Tôi là ai?” - GV gọi 1 HS làm quản trò. - Lớp nhận xét kết quả. - GV nhận xét kết quả đúng => Chốt KT: Các em biết cấu tạo số, biết đọc viết có bốn hặc năm chữ số. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV giới thiệu bài mới và ghi bảng tựa bài: Bài 81: ÔN TẬP CHUNG Tiết 1: LUYỆN TẬP – Trang 125	Hàng					Viết số	Đọc số	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		6	3	0	5	6 305	sáu nghìn ba trăm linh năm	2	7	6	4	1	?	?	3	0	8	7	4	?	?	5	5	5	5	5	?	?	- 1 HS nêu: Hoàn thành bảng sau - HS ghi kết quả vào bảng con. - Quản trò nêu câu hỏi: VD: làm nháp: Tôi gồm 6 nghìn, 3 trăm, 0 chục, năm đơn vị - Tôi là ai? + Trả lời: Bạn là số tự nhiên: 6305 - Học sinh thực hiện câu trả lời vào bảng con: viết số có năm chữ số. - HS làm quả trò sẽ gọi vài HS trả lời: đọc số vừa ghi. -Lớp nhận xét. - HS lắng nghe.
Hàng					Viết số			Đọc số																																	
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị																																					
	6	3	0	5	6 305	sáu nghìn ba trăm linh năm																																			
2	7	6	4	1	?	?																																			
3	0	8	7	4	?	?																																			
5	5	5	5	5	?	?																																			
2. Luyện tập:																																									

- Mục tiêu:

+ HS biết so sánh các số có bốn, năm chữ số rồi tìm ra được số lớn nhất, số bé nhất trong nhóm 4 số, rồi xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé.

+ Ôn tập về phép tính (cộng, trừ, nhân, chia số có bốn, năm chữ số với (cho) số có một chữ số.

- Cách tiến hành:

Bài 2: (Làm việc cá nhân)

Bài a) HS khoanh vào sách.

Bài b) HS xếp vào vở.

- Gọi HS nêu yêu cầu của đề bài.

- GV yêu cầu HS làm cá nhân vào vở.

2 Cho các số sau:

53 460

54 360

46 530

53 640

a) Chọn câu trả lời đúng.

Trong các số đã cho:

- Số lớn nhất là: A. 53 460 B. 54 360 C. 46 530 D. 53 640

- Số bé nhất là: A. 53 460 B. 54 360 C. 46 530 D. 53 640

b) - Viết các số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn.

- Viết các số đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé.

Sửa bài:

- Trò chơi “Nhà tôi ở đây”

- GV chuẩn bị 4 thẻ từ, ghi ra 4 số trong bài 2.

- Chọn 4 HS làm bài nhanh lên bảng xếp hàng.

* Lượt chơi thứ nhất: GV nêu yêu cầu: xếp số nhà từ bé đến lớn.

-> Sau hiệu lệnh, các bạn bốc ngẫu nhiên các thẻ từ và di chuyển về vị trí sau một đoạn nhạc (30 giây)

- GV rung chuông báo hết giờ, lớp nhận xét.

* Lượt chơi thứ hai tương tự: GV nêu yêu cầu: xếp số nhà từ lớn đến bé.

-> Sau hiệu lệnh, các bạn bốc ngẫu nhiên các thẻ từ và di chuyển về vị trí sau một đoạn nhạc (30 giây)

- GV rung chuông báo hết giờ, lớp nhận xét.

- Nhà số lớn nhất được cấp phép xây dựng: bạn có số lớn nhất bước lên 1 bước ...

- HS đổi vở để sửa bài.

- GV Nhận xét kết quả, hỏi cách thực hiện.

=> **Chốt KT:** Cách so sánh số có bốn chữ số: ta so sánh lần lượt các chữ số ở từng hàng, bắt đầu từ hàng lớn nhất: hàng nghìn, ... lần lượt đến hàng trăm.

- 1 HS đọc đề bài.

- HS khoanh vào sách bài 2a. và làm bài 2b. vào vở.

- HS đổi vở sửa bài, kiểm tra kết quả.

- HS chơi trò chơi.

- Quản trò nêu câu hỏi chất vấn: Vì sao bạn tìm được kết quả?/ hoặc: Bạn tìm kết quả bằng cách nào?

- HS lắng nghe

- GV nhận xét chung và tuyên dương.

Bài 3: (Làm việc cá nhân – Làm vào vở)

- Gọi 1 HS đọc đề bài.

3 Đặt tính rồi tính.

$$42\,307 + 25\,916$$

$$3\,426 \times 3$$

$$67\,251 - 18\,023$$

$$42\,580 : 5$$

- GV yêu cầu thực hiện vào vở.

$\begin{array}{r} 42\,307 \\ + 25\,916 \\ \hline 68\,223 \end{array}$	$\begin{array}{r} 67\,251 \\ - 18\,023 \\ \hline 49\,228 \end{array}$	$\begin{array}{r} \times 3\,426 \\ 3 \\ \hline 10\,278 \end{array}$	$\begin{array}{r} 42\,580 \\ 25 \overline{) 42\,580} \\ \underline{8516} \\ 0830 \\ \underline{0} \end{array}$
---	---	---	--

- **Sửa bài**

- 1 đọc bài làm,

- HS đối vở cùng kiểm tra kết quả, cách trình bày, nhận xét lẫn nhau.

=> **Chốt KT:** Khi đặt tính, ta viết các số thẳng theo từng hàng, cộng, trừ, nhân, ta tính từ phải sang trái bắt đầu từ hàng đơn vị. Riêng phép chia, ta chia từ trái sang phải. Nên viết số rõ nét, tính toán cẩn thận.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 4. (Làm việc cá nhân – Làm vào vở)

*** Củng cố cách giải bài toán thực tế liên quan tới các phép tính đã học.**

- Gọi 1 HS đọc đề bài.

4 Một cửa hàng văn phòng phẩm, thứ Bảy đã bán 12 hộp bút chì màu, Chủ nhật bán được số hộp bút chì màu gấp 3 lần thứ Bảy. Hỏi sau hai ngày bán, cửa hàng đó bán được bao nhiêu hộp bút chì màu?

Sửa bài:

- HS(A) đính bài giải lên bảng.

- Gọi HS 1 HS(B) đọc bài làm

- Lớp đối chiếu và nêu nhận xét.

Số hộp bút chì màu ngày Chủ nhật bán được:

$$12 \times 3 = 36 \text{ (hộp)}$$

Số hộp bút chì màu sau hai ngày của hàng bán được:

$$12 + 36 = 48 \text{ (hộp)}$$

Đáp số: 48 hộp

- 1 HS nêu yêu cầu đề bài.

- HS thực hiện vào vở.
(Cho 4 HS làm trên 4 bảng nhóm, song song với lớp để kịp thời gian)

- HS nhận xét kết quả, cách đặt tính.

- HS lắng nghe, sửa sai nếu có.

- 1 HS nêu yêu cầu đề bài.

- HS tìm hiểu đề bài: Đề bài cho biết gì? Hỏi gì? Nêu dạng toán và sau đó thực hiện vào vở.

(Cho 1 HS(A) làm trên bảng nhóm, song song với lớp để kịp thời gian)

- HS đối vở kiểm tra kết quả, cách trình bày.

- HS đọc bài làm.

- HS nhận xét, nêu lời giải tương tự.

- GV nhận xét chốt kết quả đúng - GV cho HS nhắc lại 5 bước giải toán. => Chốt KT: Cách giải toán và trình bày bài giải liên quan đến thực tế. + tuyên dương.	- HS đặt câu hỏi chất vấn: + <i>Muốn biết số hộp bút chì màu sau hai ngày của hàng bán được,</i> <i>ta cần biết gì trước?</i> + <i>Để biết kết quả đúng hay sai, bạn kiểm tra lại bằng cách nào?</i> - HS lắng nghe, sửa lại bài làm sai (nếu có)
3. Vận dụng. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, tiếp sức	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
Bài 5. (Làm việc nhóm – ghi kết quả vào SGK) * Củng cố thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức, mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính. - Cho HS đọc lại lần lượt kết quả của các bài đặt tính đã làm ở bài 3, cho HS nêu cấu tạo số của từng số đó. - Sửa bài: - GV nhận xét chốt kết quả đúng. => GV nhận xét chung tiết học. GV tuyên dương HS tích cực học tập.	- 1 HS nêu yêu cầu đề bài. - Lớp suy nghĩ và nêu kết quả - Lớp lắng nghe và nhận xét. - HS lắng nghe, sửa lại bài làm sai (nếu có)
4. Điều chỉnh sau bài dạy: 	

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố về đo lường (xem cân, thực hiện phép tính với đơn vị đo gam).
- Ôn tập vận dụng tính giá trị của biểu thức, giải bài toán có lời văn hai bước tính.
- Ôn tập về hình học (giải toán có nội dung về tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình vuông)

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải bài toán thực tế, tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp toán học và hợp tác: hoạt động nhóm.
- Năng lực tính toán; năng lực tư duy và lập luận toán học; khả năng sáng tạo.

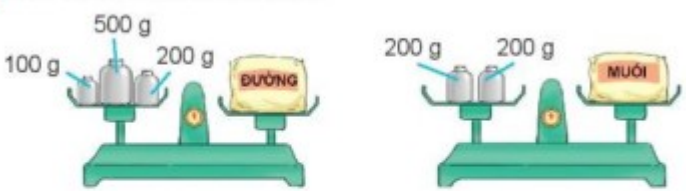
3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

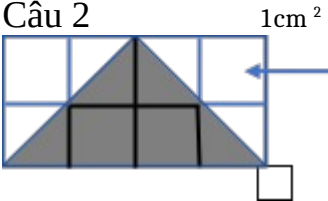
- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
Bài 1. Làm việc nhóm 3 hoặc 4 – Trò chơi “Đi tìm ẩn số” - GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài 1.  a) Túi đường cân nặng bao nhiêu gam? b) Túi muối cân nặng bao nhiêu gam? c) Túi đường và túi muối cân nặng tất cả bao nhiêu gam? d) Túi đường nặng hơn túi muối bao nhiêu gam?	- HS quan sát bài 1 - Trao đổi với các bạn trong nhóm tìm cách trả lời câu hỏi. - HS làm cá nhân: ghi kết quả tìm được vào SGK/126 - HS làm quả trò sẽ gọi lần lượt vài HS trả lời câu hỏi trong sách. - Một số bạn chấn vấn: <i>Bạn tìm bằng cách nào? (hoặc) Vì sao bạn biết?</i>

- Sửa bài: - HS chơi trò chơi “Đi tìm ẩn số” - GV gọi 1 HS làm quản trò. - Lớp nhận xét kết quả. - GV nhận xét kết quả đúng => Chốt KT: Khi kim chỉ ngay vạch đỏ chính giữa, hai đĩa cân cân bằng, tức là trọng lượng ở hai đĩa cân bằng nhau. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV giới thiệu bài mới và ghi bảng tựa bài: Bài 81: ÔN TẬP CHUNG Tiết 2: LUYỆN TẬP – Trang 126	-Lớp nhận xét. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập: - Mục tiêu: + HS biết so sánh các số có bốn, năm chữ số rồi tìm ra được số lớn nhất, số bé nhất trong nhóm 4 số, rồi xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé. + Ôn tập về phép tính (cộng, trừ, nhân, chia số có bốn, năm chữ số với (cho) số có một chữ số tính giá trị biểu thức có hoặc không có ngoặc đơn. + Củng cố cách giải bài toán thực tế liên quan tới hình học. - Cách tiến hành:	
Bài 2: (Làm việc cá nhân) - Gọi HS nêu yêu cầu của đề bài. 2 Bạn Núi đi học từ nhà lúc 6 giờ 5 phút và đến trường lúc 6 giờ 55 phút. Hỏi bạn Núi đi từ nhà đến trường hết bao nhiêu phút?  - Cho HS trao đổi nhóm 2 và điền kết quả vào SGK/125 Sửa bài: - GV gọi 1 HS lên bảng chỉ vào đồng hồ nêu thời điểm đi, thời điểm đến, thời gian đi từ nhà đến trường. - GV Nhận xét kết quả, hỏi cách thực hiện. => Chốt KT: Muốn tìm thời gian đi, ta lấy thời điểm đến trừ thời điểm đi – hoặc lấy thời điểm kết thúc trừ đi thời điểm bắt đầu ta được thời gian thực hiện. - GV nhận xét chung và tuyên dương.	- 1 HS đọc đề bài. - HS trao đổi với bạn bên cạnh. - HS ghi kết quả vào SGK - HS chỉ bảng nêu: * Thời điểm đi học là 6 giờ 5 phút, * Thời điểm đến trường là 6 giờ 55 phút * Thời gian đi từ nhà đến trường hết 50 phút. - HS nêu câu hỏi chất vấn: Vì sao bạn tìm được kết quả?/ hoặc: Bạn tìm kết quả bằng cách nào? - HS nêu cách tìm thời gian đi đến trường của bạn Núi. (55 phút – 5 phút = 50 phút) - HS lắng nghe, nhận xét bổ

GD tích hợp: <i>Các bạn nhỏ vùng cao sẵn sàng vượt qua chặng đường dài để đến lớp, để được học tập ...</i> Bài 3: (Làm việc cá nhân – Làm vào vở) - Gọi 1 HS đọc đề bài. 3 Tính giá trị của biểu thức. a) $3\ 656 + 1\ 407 - 2\ 538$ b) $1\ 306 \times 6 : 2$ c) $452 \times (766 - 762)$ d) $(543 + 219) : 3$ - GV yêu cầu thực hiện vào vở. - Sửa bài - 1 đọc bài làm. - HS đổi vở cùng kiểm tra kết quả, cách trình bày, nhận xét lẫn nhau. => Chốt KT: <i>Thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức</i> - GV nhận xét, tuyên dương.	sung. - 1 HS nêu yêu cầu đề bài. - HS thực hiện vào vở. (Cho 4 HS làm trên 4 bảng nhóm, song song với lớp để kịp thời gian) - HS nhận xét kết quả, cách đặt tính. - HS lắng nghe, sửa sai nếu có.
Bài 4. (Làm việc cá nhân – Làm vào vở) * Củng cố cách giải bài toán thực tế liên quan tới hình học. - Gọi 1 HS đọc đề bài. 4 a) Tính diện tích hình vuông có chu vi 32 cm. b) Tính chu vi hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh hình vuông ở câu a và có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Sửa bài: - HS(A) đính bài giải lên bảng. - Gọi HS 1 HS(B) đọc bài làm - Lớp đối chiếu và nêu nhận xét. Bài giải (a) Cạnh hình vuông là: $32 : 4 = 8 \text{ (cm)}$ Diện tích hình vuông là: $8 \times 8 = 64 \text{ (cm}^2\text{)}$ Đáp số: 64 cm^2 Bài giải (b) Chiều dài hình chữ nhật là: $8 \times 3 = 24 \text{ (cm)}$ Diện tích hình chữ nhật là: $(8 + 24) \times 2 = 64 \text{ (cm}^2\text{)}$ Đáp số: 64 cm^2	- 1 HS nêu yêu cầu đề bài. - HS tìm hiểu đề bài: Đề bài cho biết gì? Hỏi gì? Nêu dạng toán và sau đó thực hiện vào vở. (Cho 1 HS(A) làm trên bảng nhóm, song song với lớp để kịp thời gian) - HS đổi vở kiểm tra kết quả, cách trình bày. - HS đọc bài làm. - HS nhận xét, nêu lời giải tương tự. - HS đặt câu hỏi chất vấn bài 4a.: + Muốn tìm diện tích hình vuông, <i>ta cần biết gì trước?</i> + Muốn tìm cạnh hình vuông khi biết chu vi, ta làm sao? + Để biết kết quả đúng hay sai, bạn kiểm tra lại bằng

- GV nhận xét chốt kết quả đúng - GV cho HS nhắc lại 5 bước giải toán. => Chốt KT: Cách giải toán và trình bày bài giải liên quan đến thực tế. + tuyên dương.	cách nào? - HS đặt câu hỏi chất vấn bài 4.: + Muốn tìm chu vi hình chữ nhật, ta cần biết gì trước? Vì sao? + Để biết kết quả đúng hay sai, bạn kiểm tra lại bằng cách nào? - HS lắng nghe, sửa lại bài làm sai (nếu có)
3. Vận dụng. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, tiếp sức	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
Trò chơi học tập: (Làm việc nhóm – ghi kết quả vào SGK) * Củng cố thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức, mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính. Câu 1: Em bắt đầu ăn cơm lúc 6 giờ 20 phút và ăn xong lúc 6 giờ 40 phút. Như vậy em ăn cơm hết phút. A. 50 B. 40 C. 30 D. 20 - Sửa bài: - GV nhận xét chốt kết quả đúng Câu 2  Hình được tô màu có diện tích là cm^2 A. 8 B. 6 C. 4 D. 2 - Cho HS đọc lại lần lượt kết quả của các bài đặt tính	- 1 HS nêu yêu cầu đề bài. - Lớp lắng nghe, quan sát, suy nghĩ 1 phút và ghi kết quả vào nháp - Giơ thẻ ABCD chọn đáp án đúng. D. 20 phút. 1 HS nêu cách thực hiện: lấy thời điểm kết thúc trừ đi thời điểm bắt đầu ta được thời gian thực hiện. - Lớp lắng nghe và nhận xét. - HS lắng nghe, sửa lại bài làm sai (nếu có) - 1 HS nêu yêu cầu đề bài. - Lớp lắng nghe, quan sát màn hình, suy nghĩ 1 phút

đã làm ở bài 3, cho HS nêu cấu tạo số của từng số đó.

- **Sửa bài:**

- GV nhận xét chốt kết quả đúng.

=> GV nhận xét chung tiết học.

GV tuyên dương HS tích cực học tập.

và ghi kết quả vào nháp

- Giơ thẻ ABCD chọn đáp án đúng.

1 HS nêu cách thực hiện.

- Lớp lắng nghe và nhận xét.

4. Điều chỉnh sau bài dạy:

.....

.....

.....